

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bộ Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025-2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 892/QĐ-BNV ngày 5 tháng 12 năm 2024 của Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” giai đoạn 2024-2030;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, phường trên địa bàn tỉnh, với các nội dung chính sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Theo dõi, đánh giá thực chất và khách quan kết quả thực hiện cải cách hành chính (CCHC) hàng năm của các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là các cơ quan cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

b) Mục tiêu cụ thể

- Đánh giá khách quan, toàn diện, công bằng kết quả cải cách hành chính hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Đánh giá định lượng, kết hợp với định tính; đánh giá CCHC với tác động của CCHC; kết hợp đánh giá bên trong của các cơ quan hành chính nhà nước và đánh giá bên ngoài của người dân, tổ chức đối với kết quả CCHC hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC hàng năm của các cơ quan cấp tỉnh. Xác định thang điểm, phương pháp đánh giá cho các nội dung, tiêu chí đánh giá, làm cơ sở xác định Chỉ số CCHC của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

- So sánh, xếp hạng kết quả CCHC hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Thông qua đó, các cơ quan hành chính nhà nước nhận rõ những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế để có giải pháp cải thiện, nâng cao chất lượng, hiệu quả CCHC hàng năm.

2. Yêu cầu

a) Chỉ số CCHC phù hợp, bám sát nội dung, yêu cầu tại Nghị quyết của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước của giai đoạn 2021-2030 và các chương trình, nhiệm vụ CCHC của Tỉnh theo từng giai đoạn và hàng năm.

b) Chỉ số CCHC bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của các cơ quan cấp tỉnh và UBND các xã, phường và đánh giá thực chất, khách quan kết quả triển khai CCHC hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Tăng cường sự tham gia đánh giá của cá nhân, tổ chức đối với quá trình triển khai công tác CCHC của các cơ quan cấp tỉnh và UBND các xã, phường.

d) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao tính công khai, minh bạch và khách quan trong công tác theo dõi, đánh giá.

e) Hàng năm tổ chức triển khai xác định Chỉ số CCHC của các cơ quan cấp tỉnh và UBND các xã, phường.

3. Phạm vi và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi áp dụng

Công tác theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện CCHC hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Đối tượng áp dụng

- 14 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế.

- 135 Ủy ban nhân dân xã, phường.

II. NỘI DUNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Nội dung đánh giá

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC áp dụng cho các cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã, phường được cấu trúc thành 8 nội dung đánh giá:

- (1) Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC.
- (2) Cải cách thể chế, việc xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật.
- (3) Cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.
- (4) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước.
- (5) Cải cách chế độ công vụ.
- (6) Cải cách tài chính công.
- (7) Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số.
- (8) Tác động CCHC đến người dân, tổ chức.

(Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC của các cơ quan cấp tỉnh, UBND cấp xã, phường được nêu tại các Phụ lục I, II đính kèm Quyết định này).

2. Thang điểm đánh giá

- Thang điểm đánh giá là 100.
- Điểm đánh giá qua thẩm định (tối đa) là 60/100.
- Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học (tối đa) là 40/100.

Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng nội dung, tiêu chí.

3. Phương pháp đánh giá

Kết hợp giữa đánh giá của Hội đồng thẩm định (đánh giá bên trong) và đánh giá qua điều tra xã hội học (đánh giá bên ngoài).

- Đánh giá của Hội đồng thẩm định:

- + Các cơ quan, đơn vị, địa phương tự theo dõi, đánh giá và xác định điểm thực hiện nhiệm vụ CCHC của cơ quan, đơn vị theo các tiêu chí được quy định trong Chỉ số CCHC và hướng dẫn của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

- + Điểm tự đánh giá của các cơ quan, đơn vị được Hội đồng thẩm định của Tỉnh thẩm định để xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh (nếu cần thiết).

- Đánh giá qua điều tra xã hội học (ĐT XHH):

- + Các tiêu chí đánh giá qua ĐT XHH được quy định trong Bộ Chỉ số CCHC.

- + Bộ câu hỏi ĐT XHH được xây dựng với số lượng, nội dung câu hỏi tương ứng với các tiêu chí được đánh giá qua ĐT XHH quy định trong Bộ Chỉ số CCHC.

4. Xác định Chỉ số CCHC

Điểm đạt được là tổng hợp điểm qua ĐT XHH và điểm Hội đồng thẩm định định của tỉnh thẩm định, đánh giá; và là căn cứ xác định Chỉ số CCHC của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Chỉ số CCHC được xác định bằng tỷ lệ % giữa “Tổng điểm đạt được” và “Tổng điểm tối đa (100 điểm)”.

- Chỉ số thành phần theo nội dung, tiêu chí được xác định bằng tỷ lệ % giữa điểm đạt được và điểm tối đa của từng nội dung, tiêu chí.

5. Quy trình, thời gian chấm điểm

Quy trình, thời gian thực hiện đánh giá, chấm điểm cụ thể như sau:

- Các cơ quan cấp tỉnh và UBND cấp xã, phường căn cứ tiêu chí và kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC, tiến hành tự đánh giá: hoàn thành trước 30/11 hàng năm.

- Các thành viên Hội đồng thẩm định Tỉnh thẩm định và đánh giá (đánh giá lần 1): hoàn thành trước 15/12 hàng năm.

- Các cơ quan, đơn vị tự đánh giá thực hiện bổ sung giải trình và tài liệu kiểm chứng: hoàn thành trước 30/12 hàng năm.

- Hội đồng thẩm định Tỉnh thực hiện thẩm định, đánh giá lần 2: hoàn thành trước 15/01 năm tiếp theo.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm thực hiện

a) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Quyết định; nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, cập nhật Chỉ số CCHC phù hợp trong quá trình thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xác định cơ cấu điểm cụ thể của từng nội dung, tiêu chí, tiêu chí thành phần; xây dựng hướng dẫn chấm điểm đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai công việc xác định Chỉ số CCHC trong phạm vi trách nhiệm; tập huấn, bồi dưỡng đối với công chức tham mưu về công tác theo dõi, đánh giá và xác định Chỉ số CCHC.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thông tin, tuyên truyền về Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Hàng năm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát nội dung Chỉ số CCHC để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế và từng nhóm cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tham mưu xây dựng quy trình thực hiện đánh giá, xác định chỉ số CCHC đối với các cơ quan, đơn vị; Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai kế hoạch xác định Chỉ số CCHC.

- Tổng hợp, xử lý số liệu để xác định Chỉ số CCHC và xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả Chỉ số CCHC, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Trình UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định xác định Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương; tham mưu UBND tỉnh tổ chức công bố Chỉ số CCHC của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và UBND cấp xã, phường.

- Tổ chức công tác điều tra xã hội học: Nghiên cứu, xác định đối tượng điều tra xã hội học và xây dựng Bộ câu hỏi điều tra xã hội học phù hợp với từng nhóm đối tượng; xác định quy mô mẫu điều tra xã hội học. Xác định phương thức tổ chức điều tra xã hội học phù hợp với điều kiện thực tế. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai thực hiện điều tra xã hội học phục vụ cho việc xác định Chỉ số CCHC hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Sở Tài chính

Bổ trí đủ kinh phí thực hiện kế hoạch xác định Chỉ số CCHC hàng năm; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC theo Kế hoạch.

c) Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND cấp xã, phường

- Triển khai công việc xác định Chỉ số CCHC trong phạm vi trách nhiệm của cơ quan, đơn vị theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Xây dựng báo cáo chấm điểm xác định Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị theo hướng dẫn của Văn phòng UBND tỉnh.

- Phân công công chức chuyên trách theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả CCHC của cơ quan, đơn vị.

- Bố trí kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC theo quy định.

đ) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh tra tỉnh và các Sở: Nội vụ, Tư pháp; Khoa học và Công nghệ; Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh trong việc theo dõi, đánh giá kết quả CCHC đối với từng nội dung, tiêu chí theo chức năng, nhiệm vụ và phân công của UBND tỉnh.

2. Kinh phí thực hiện

a) Kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC được đảm bảo bằng ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

b) Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho triển khai xác định Chỉ số CCHC hàng năm thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (Vụ Cải cách hành chính);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai ;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, PVHCC, HCTC, QTTV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang